

Bản án số: 149/2019/HS-PT
Ngày: 18-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Lê Khắc Thịnh
<i>Các Thẩm phán:</i>	Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 118/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo Lương Thành D, Lương Thành T. Do có kháng cáo của các bị cáo Lương Thành D, Lương Thành T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lương Thành D; Giới tính: Nam; Sinh năm: 19XX, sinh tại: tỉnh Đ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: khóm X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Lương Thái H, sinh năm: 19XX; Mẹ: Bùi Thị N, sinh năm: 19XX; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là người thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Lương Thành T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: T1; Sinh năm: 19XX, Sinh tại: tỉnh Đ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: khóm X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Cha: Lương Thái H, sinh năm: 19XX; Mẹ: Bùi Thị N, sinh năm: 19XX; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; Vợ: Thái Thị Kiều H1, sinh năm: 19XX; Có 02 con, sinh năm 2XXX và 2XXX; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo D và T là ông Hà Văn N1 và ông Nguyễn Quốc T2, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Đồng Tháp - Chi nhánh số 1 (ông Hà Văn N1 có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Quốc T1 có mặt).

Người bị hại: Nguyễn Đăng K, sinh năm 19XX (có mặt).
Trú tại: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Hiền T3, sinh năm: 19XX (vắng mặt).
2. Phạm Thị Thu H2, sinh năm: 19XX (có mặt).
Cùng trú tại: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ.
3. Bùi Thị N, sinh năm: 19XX (có mặt).
4. Lương Thái H, sinh năm: 19XX (có mặt).
5. Thái Thị Kiều H1, sinh năm: 19XX (có mặt).
Cùng trú tại: khóm X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.
6. Lê Thanh T4, sinh năm 19XX - Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện L (có mặt).

Người bị hại trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2016, Lương Thành D vào ao cá của anh Nguyễn Đăng K tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ đặt lờ cá thì bị anh K lấy lờ đem về nhà. Từ đó, D phát sinh mâu thuẫn với anh K.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 13/10/2016, sau khi uống rượu bia D về nhà gặp Lương Thành T (anh ruột D), D nói với T là đặt lờ trong ao của anh K thì bị lấy. T hỏi D: K là ai, D trả lời là con ông T3 và nói tức quá qua vườn anh K chặt cam cho nó biết. Nói xong, D đi vào nhà bếp lấy 01 con dao có chiều dài 34cm, chiều rộng 5cm, cán dao bằng cây dài 14cm, lưỡi dao có một bề sắc, màu đen mũi bằng, dài 20cm, cùng T đi đến vườn cam của anh K. Khi đến vườn cam của anh K, D dùng dao chặt đứt rời một số cây cam, sau đó D đưa dao cho T chặt tiếp. T chặt một lúc thì đưa dao lại cho D tiếp tục chặt cam của anh K. Cả hai chặt đứt rời khoảng 300 gốc cam rồi cùng đi về nhà. Đến sáng ngày 14/10/2016, anh K phát hiện nên trình báo Công an.

Sau khi tiếp nhận tố giác của anh K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành khám nghiệm hiện trường, chụp bản ảnh vào ngày 14/10/2016 và xác định có 300 cây cam mật được 06 tháng tuổi bị chặt đứt gốc và tiến hành thu 03 cây cam bị chặt tại hiện trường để giám định.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L thu giữ 01 (một) con dao có chiều dài 34cm, chiều rộng 05cm, cán bằng cây dài 14cm, lưỡi

dao sắc bén màu đen, mũi bằng; dài 20cm và 03 (ba) góc cam đã bị chặt.

Tại bản kết luận giám định số 3565/C54B ngày 28/11/2016 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vết chặt trên thân các gốc cây cam gửi giám định trùng khớp với dấu vết thực nghiệm tạo ra từ con dao gửi giám định.

Tại biên bản định giá tài sản số 33/BB-DGTS ngày 01/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: Giá trị thiệt hại của 300 cây cam mật được trồng 06 tháng là 9.000.000 đồng.

Tại bản án số 05/2019/HS-ST ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T đồng phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lương Thành D 07 (bảy) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lương Thành T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lương Thành T cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 589 và 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Đăng K 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T có đơn kháng cáo kêu oan cho rằng các bị cáo không có chặt cam của anh K, các bị cáo không phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cho rằng các bị cáo không phạm tội nên các bị cáo không đồng ý bồi thường cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ phát biểu quan điểm: Tuy tại phiên tòa các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo cũng như phân trách nhiệm dân sự đối với từng bị cáo là phù hợp. Sau khi án sơ thẩm tuyên, các bị cáo D, T kháng cáo kêu oan và không đồng ý bồi thường phần dân sự cho anh K nhưng các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết gì mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên về hình phạt và phân trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T phát biểu quan điểm không thống nhất toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát bởi lẽ theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án không đủ cơ sở chứng minh hai bị cáo phạm tội. Các bị cáo chỉ thừa nhận hành vi ở một bản khai duy nhất mà lần này các bị cáo bị ép cung, bị công tay, bỏ đói nên mới khai. Bản tự khai ngày 15/3/2017 của T có người viết hộ vì T không biết chữ. Quá trình lấy lời khai các bị cáo khai do bị đánh nên mới nhận tội. Hơn nữa, lời khai nhận tội của bị cáo không phải là chứng cứ duy nhất để buộc tội. Các bị cáo và bị hại đều khai không có mâu thuẫn gì với nhau, các bị cáo không có việc đặt lờ trong ao của anh K, không có xin lại lờ nên không có lý do nào để chặt phá cam của anh K. Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng giữa bị cáo và bị hại có mâu thuẫn nhau từ việc đặt lờ là suy đoán. Việc thu giữ vật chứng không đúng quy định, D không giao nộp, biên bản tạm giữ đồ vật ở phần trình bày của người giao nộp lúc ghi là D, lúc ghi là T. Hồ sơ thể hiện có 02 biên bản thu giữ gốc cam và từ lúc thu giữ cho đến lúc giám định cách nhau một thời gian dài làm các gốc cam bị khô héo nên việc thực nghiệm để giám định chưa chính xác. Việc gia đình các bị cáo đến nhà anh K nhờ làm đơn bãi nại với lý do là hai bị cáo bị Công an đánh, vì thương con nên cha mẹ các bị cáo đến nhà anh K xin bãi nại chứ không phải thừa nhận hành vi phạm tội. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Trong phần tranh luận, các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, không tranh luận gì thêm mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo, các bị cáo bị oan.

Người bị hại không tham gia tranh luận, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T không thừa nhận hành vi dùng dao chặt cam của anh K, các bị cáo cho rằng không phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên và không đồng ý bồi thường phần dân sự cho anh K.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, do bức tức từ việc D đặt lò trong ao của anh K thì bị lấy nên D nói với T là qua vườn anh K chặt cam cho hả giận. Nói xong, D đi vào nhà bếp lấy 01 con dao có chiều dài 34cm, chiều rộng 5cm, cán dao bằng cây dài 14cm, lưỡi dao có một bề sắc, màu đen mũi bằng, dài 20cm, cùng T đi đến vườn cam của anh K. Khi đến vườn cam của anh K, D dùng dao chặt đứt rời một số cây cam rồi D đưa dao cho T chặt tiếp. T chặt một lúc thì đưa dao lại cho D tiếp tục chặt cam của anh K. Cả hai chặt đứt rời khoảng 300 gốc cam rồi cùng đi về nhà. Điều này phù hợp với lời khai nhận của cả hai bị cáo đã khai tại biên bản ghi lời khai ngày 19/10/2016, phù hợp với lời khai của bị cáo T tại Biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2017, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh ngày 14/10/2016 của Công an huyện L, con dao thu giữ tại nhà bị cáo, kết quả giám định, dấu vết trên các gốc cam gửi đi giám định. Mặt khác, trong quá trình điều tra, bị cáo D xác định con dao mà Cơ quan điều tra thu giữ là con dao của gia đình bị cáo, bị cáo lấy sử dụng con dao này để chặt cam của anh K. Tại Kết luận giám định số 3565/C54B ngày 28/11/2016, của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vết chặt trên thân các gốc cây cam gửi giám định trùng khớp với dấu vết thực nghiệm tạo ra từ con dao gửi giám định.

Các bị cáo cho rằng các bị cáo không có chặt cam của anh K, việc các bị cáo khai nhận có chặt cam của anh K tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L là do bị cán bộ điều tra còng tay treo lên, đánh và vì sợ nên các bị cáo mới khai nhận tội nhưng các bị cáo không chứng minh được Cán bộ điều tra Công an huyện L có hành vi nêu trên đối với các bị cáo. Sau khi Cán bộ điều tra ghi lời khai ngày 19/10/2016, gia đình các bị cáo có khiếu nại đến Trưởng Công an huyện L tố cáo cán bộ điều tra trong khi làm nhiệm vụ đã còng tay và đánh các bị cáo vào ngày 21/11/2016. Sau khi xác minh giải quyết tố cáo của các bị cáo và gia đình, Trưởng Công an huyện L đã ra Thông báo số 08/TB-CAH ngày 06/4/2017 về kết quả giải quyết tố cáo là “chưa có cơ sở kết luận”, không có việc thực hiện hành vi này đối với D và T. Cho nên, việc khai nại của các bị cáo là không có căn cứ.

Các bị cáo cho rằng, các bị cáo không có đặt lò trong ao của anh K, không có xin lại lò, giữa các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì với nhau nên

không có lý do nào để chặt phá cam của anh K. Tuy nhiên, tại các biên bản ghi lời khai của bị cáo D khai ngày 19/10/2016 và 10/01/2017, bị cáo thừa nhận có mâu thuẫn với bị hại là anh K về việc đặt lờ trong ao của anh K và anh K lấy lờ nên bị cáo mới có hành vi chặt cam của anh K; còn bị cáo T khai tại các biên bản ghi lời khai ngày 19/10/2016, 27/12/2016, 10/01/2017 và 15/3/2017 là bị cáo có nghe D nói về việc D đặt lờ trong ao của anh K bị anh K lấy 03 cái lờ, từ đó D nảy sinh mâu thuẫn với anh K, T có khuyên nhưng D không đồng ý. Từ mâu thuẫn đó nên D mới rủ T chặt cam của anh K. Tại phiên Tòa, anh K khai không có mâu thuẫn gì đối với các bị cáo vì anh K không biết 03 cái lờ của ai đặt trong ao cá nhưng anh xác định là anh có lấy 03 cái lờ và treo trên chuồng bò. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Bị cáo Lương Thành D và người làm chứng Thái Thị Kiều H1 cho rằng các bị cáo không có giao nộp con dao mà do anh N2 công an xã đến nhà lấy mang đến Công an huyện nộp. Tuy nhiên, tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu lập lúc 16 giờ 16 phút ngày 19/10/2016 thể hiện chính bị cáo Lương Thành D là người trực tiếp giao nộp, xác định đây chính là con dao của bị cáo, bị cáo dùng chặt gốc cam của anh K và ký tên vào biên bản. Đồng thời, D chỉ tay vào con dao mà D dùng chặt gốc cam của anh K để Cơ quan điều tra chụp ảnh. Cho nên, việc khai nại của bị cáo là không có căn cứ.

Mặt khác, tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu lập lúc 16 giờ 16 phút ngày 19/10/2016, trong phần nội dung có phần trình bày của người giao nộp vật chứng thể hiện lời trình bày của Lương Thành T trong khi người giao nộp là Lương Thành D. Tại phiên tòa phúc thẩm, điều tra viên Lê Thanh T4 xác định là do sơ suất nên có ghi nhầm cũng như biên bản thu giữ 03 gốc cam ghi ngày 26/10/2016 cũng là do sơ suất trong quá trình ghi biên bản. Xét biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu lập lúc 16 giờ 16 phút ngày 19/10/2016, về thủ tục, thành phần của biên bản và ký tên đều do Lương Thành D thực hiện, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Với các chứng cứ nêu trên, đã có đủ căn cứ xác định chính các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T đã thực hiện hành vi dùng dao chặt đứt gốc 300 cây cam mật được 06 tháng tuổi của anh K. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Các bị cáo đều nhận thức được tài sản hợp pháp của con người luôn được pháp luật bảo vệ. Nếu người nào có hành vi xâm phạm đến tài sản của họ một cách trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bằng cách

dùng dao chặt đứt gốc 300 cây cam mật được 06 tháng tuổi của anh K, gây thiệt hại 9.000.000 đồng cho người bị hại. Chứng tỏ việc phạm tội của các bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T cùng tội danh “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan ức gì cho các bị cáo. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với T chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T cùng kháng cáo kêu oan nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên cùng lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh hành vi của các bị cáo là có tội nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Do các bị cáo D, T đã phạm tội hủy hoại tài sản của anh K nên các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh K theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để xử phạt bị cáo Lương Thành T nhưng không áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự là thiếu sót. Mặt khác, các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên khi tuyên về án phí, Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc các bị cáo D và T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại các phần này cho phù hợp với quy định của pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời bào chữa của vị Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo D, T là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở phần trên nên không chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm nhưng do gia đình của các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, được cấp sổ hộ nghèo nên các bị cáo D, T được miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự. Điều chỉnh lại phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về áp dụng điều luật và án phí đối với các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T.

Tuyên bố các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T cùng phạm tội ‘Hủy hoại tài sản’.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lương Thành D 07 (bảy) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lương Thành T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ T từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lương Thành T cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân thị trấn L trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 589 và 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Đăng K 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án mà người bị yêu cầu thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lương Thành D và Lương Thành T được miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện L;
- CQCSĐT Công an huyện L;
- UBND thị trấn Lai Vung, huyện L;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA (M

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh